



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG
PHUONGDONG PETROLEUM TOURISM JOINT STOCK COMPANY

Trụ sở chính: 218 Lê Duẩn, Tp.Vinh, Nghệ An

ĐT: 0238.3562299

Fax: 0238.3562562

Website: www.phuongdongpv.com.vn

Email: ptc@phuongdongpv.com.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

Tổ chức niêm yết : Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông

Niêm yết tại : Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Mã chứng khoán : PDC

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông
- Tên tiếng Anh : Phuongdong Petroleum Tourism Joint Stock Company
- Tên viết tắt : PTC
- Giấy chứng nhận ĐKDN số: 2900781381
- Vốn điều lệ : 150.000.000.000 đồng (một trăm năm mươi tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 150.000.000.000 đồng (một trăm năm mươi tỷ đồng)
- Địa chỉ : Số 218 Lê Duẩn, Phường Trường Thi, Tp.Vinh, Nghệ An
- Điện thoại : 038. 3845527
- Fax : 038. 3593479
- Website : www.phuongdongpv.com.vn
- Mã cổ phiếu : PDC

Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước có tên Khách sạn Phụng Hoàng, được thành lập theo quyết định số 2057 QĐ/UB ngày 26/12/1994 của UBND tỉnh Nghệ An.
- Theo Quyết định số 2044/QĐ-UB ngày 18/06/1996 của UBND tỉnh Nghệ An, Khách sạn Phụng Hoàng chính thức được đổi tên thành Công ty Khách sạn Du lịch Phương Đông.
- Ngày 04/02/2007, Công ty Khách sạn Du lịch Phương Đông đổi tên thành Công ty Du lịch Dầu khí Phương Đông do chuyển về làm đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Ngày 01/02/2008, Công ty chính thức chuyển sang loại hình Công ty Cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông.
- Ngày 29/9/2009 Công ty chính thức niêm yết 15 triệu cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là PDC.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Các ngành nghề kinh doanh chính gồm:

- Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà hàng;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế;
- Cho thuê văn phòng;...

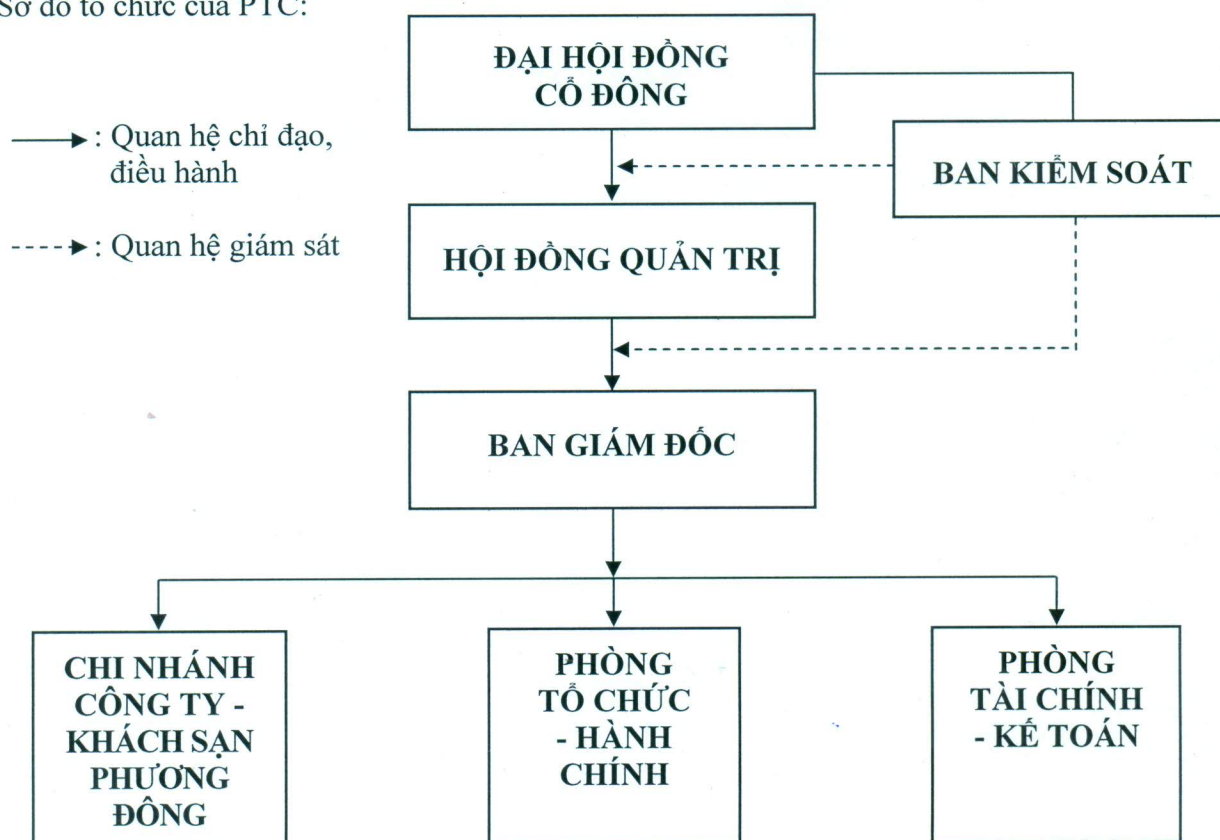
2.2. Địa bàn kinh doanh: Tỉnh Nghệ An.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:

Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty Cổ phần, tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản pháp luật hiện hành.

Sơ đồ tổ chức của PTC:



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

a) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc:

- *Đại hội đồng cổ đông*: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty PTC.
- *Hội đồng quản trị*: Là cơ quan quản lý Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.
- *Ban Kiểm soát*: Thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
- *Ban Giám đốc*: Ban Giám đốc của Công ty bao gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc phân công hoặc ủy quyền các Phó Giám đốc thực hiện một số nội dung hoặc phạm vi công việc thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của mình.

b) Các Phòng chuyên môn văn phòng Công ty:

- *Phòng Tổ chức Hành chính*: có chức năng tham mưu, giúp việc cho Giám đốc Công ty trong việc quản lý, điều hành công tác tổ chức nhân sự, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực; tiền lương và chế độ chính sách đối với người lao động; công tác thi đua khen thưởng, công tác hành chính tổng hợp; công tác quản trị văn phòng; công tác pháp chế; vệ sinh lao động, bảo hộ lao động, ...
- *Phòng Tài chính Kế toán*: có chức năng tham mưu, giúp việc cho Giám đốc về công tác quản lý tài chính doanh nghiệp, bảo toàn và phát triển vốn; tổng hợp, phân tích đánh giá hiệu quả SXKD và sử dụng vốn theo định kỳ và yêu cầu của Giám đốc; kiểm tra việc thực

hiện các quy định về quản lý tài chính kế toán, mở và ghi chép sổ sách chứng từ và các nghiệp vụ kế toán, ...

c) Các Đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông - Khách sạn Mường Thanh Phương Đông:

Địa chỉ: Số 02 Trường Thi, Tp.Vinh, Nghệ An

Điện thoại: (84-38) 3 562 299

Fax: (84-38) 3 562 562

Chức năng nhiệm vụ chính: Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà hàng; Dịch vụ cho thuê văn phòng; mua bán các loại hàng hoá phục vụ khách du lịch; Kinh doanh vật tư, thiết bị, phương tiện phục vụ du lịch; kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế; Vận chuyển khách du lịch, khách theo hợp đồng bằng xe ô tô.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết:

a) Công ty con: Không.

b) Công ty liên kết:

Công ty Cổ phần Sài Gòn Kim Liên

Địa chỉ: Số 25 Đường Quang Trung, Tp.Vinh, Nghệ An

Điện thoại: (84-38) 3 838 899

Fax: (84-38) 3 838 899

Website: www.saigonkimlien.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, biệt thự; Dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế, vận chuyển khách du lịch, đưa đón khách thuê trọn gói; Mua bán hàng thực phẩm, đồ uống; Kinh doanh các dịch vụ phụ trợ hoạt động khách sạn, khu nghỉ dưỡng biển; Trung tâm thương mại; Dịch vụ bán vé máy bay; Cho thuê văn phòng....

Công ty Cổ phần Sài Gòn Kim Liên là Công ty thành viên của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn (Saigontourist). Số cổ phần PTC nắm giữ tại Công ty Cổ phần Sài Gòn Kim Liên là 12.172.667.000 đồng (tương đương 16,45% Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Kim Liên).

4. Định hướng phát triển

Duy trì hoạt động của khách sạn trong đó lấy dịch vụ kinh doanh Khách sạn - Nhà hàng - Du lịch làm cơ sở phát triển bền vững.

Phấn đấu duy trì tốc độ phát triển về doanh thu, lợi nhuận. Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động trong Công ty.

5. Các rủi ro:

Nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành du lịch dịch vụ nói riêng đang phải chịu sự ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh covid 19. Chính yếu tố khách quan đó đã làm cho nền kinh tế chững lại, khách sạn, nhà hàng hoạt động trong tình trạng cầm chừng. Doanh thu giảm sút trầm trọng. Việc đảm bảo cho người lao động đủ việc làm trong năm 2020 cũng là vô cùng khó khăn. Những điều đó dẫn đến lợi nhuận của công ty bị ảnh hưởng trầm trọng. Và vì thế chắc chắn sẽ có ảnh hưởng đến biến động giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường.

Sự cạnh tranh giữa các đơn vị du lịch đang diễn ra ngày càng gay gắt, quyết liệt, hàng năm có rất nhiều khách sạn quy mô 3 và 4 sao khai trương và đi vào hoạt động. Để thu hút được khách hàng, mở rộng thị trường, Công ty cần phải tập trung nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ, cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất để nâng cao tính cạnh tranh. Với tình hình kinh tế suy giảm thì tính cạnh tranh giữa các doanh nghiệp sẽ ngày càng trở nên khốc liệt

hơn; các chi phí liên quan tới sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, nhân công,... luôn biến động khiến cho việc quản lý các chi phí để đảm bảo chỉ tiêu đề ra sẽ gặp nhiều khó khăn.

II. . TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018:

1. Tình hình hoạt động SXKD:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2019	TH năm 2019	% TH/KH năm
A	B	C	1	2	3=2/1
1	Doanh thu	Tỷ đồng	45,920	53,070	115,57
2	Chi phí	Tỷ đồng	43,593	50,645	116,18
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,327	2,425	61,24
4	Các khoản nộp ngân sách	Tỷ đồng	3,500	1,716	49,02
5	Đầu tư, mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	20,000	20,222	101,11

2. Tổ chức nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

Ông Thái Hồng Nhã	: Giám đốc công ty
Số CMND	: 182259756 cấp ngày 01/4/1997 tại Nghệ An
Ngày tháng năm sinh	: 10/6/1976
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Khối 4, P.Trường Thi, Tp.Vinh, Nghệ An
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Xây dựng
Số cổ phần nắm giữ tại Công ty	: 0 cổ phần.
Bà Trương Thị Thu Huyền	: Phó Giám đốc công ty
Số CMND	: 186346075 cấp ngày 26/8/2003 tại Nghệ An
Ngày tháng năm sinh	: 15/11/1976
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: CC Tân Phúc, P.Vinh Tân, Tp.Vinh, N.An
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Du lịch
Số cổ phần nắm giữ tại Công ty	: 600 cổ phần.
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	: Trưởng Phòng Tài chính Kế toán
Số CMND	: 186145658 cấp ngày 13/12/2001 tại Nghệ An
Ngày tháng năm sinh	: 27/10/1984
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Xóm 9 – Xã Nghi Phong- Huyện Nghi Lộc- Nghệ An
Trình độ văn hóa	: 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán

Số cổ phần nắm giữ tại Công ty : 0 cổ phần.

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2019:

- Không

2.3. Số lượng CBCNV Công ty:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng
1. Trên Đại học	Người	0
2. Đại học	Người	39
3. Cao đẳng	Người	12
4. Trung cấp hoặc tương đương	Người	71
5. Lao động phổ thông	Người	11
Tổng cộng:	Người	133

Công ty luôn thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, chế độ hưu trí, các công tác xã hội, từ thiện và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước. Chính sách tiền lương, tiền thưởng, trợ cấp của Công ty được xây dựng trên cơ sở tính chất công việc thực tế và các quy định của pháp luật. PTC đã xây dựng tiêu chuẩn chức danh nhằm chuẩn hóa những kiến thức, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học cho mỗi bậc lương chức danh, nhằm xác định trả lương đúng người, đúng việc, tạo điều kiện và mạnh dạn giao cho lực lượng lao động trẻ có năng lực, có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ đảm nhận những công việc khó khăn phức tạp và được hưởng mức lương tương xứng.

Hệ thống lương chức danh của PTC gắn với hiệu quả công việc và từng vị trí chức danh của nhân viên, liên tục được sửa đổi, bổ sung nhằm tiếp cận dần và tiến tới có tính cạnh tranh trên thị trường lao động trong tỉnh và khu vực.

PTC có chế độ trả thưởng đi đôi với chế độ trả lương. Ngoài các khoản thưởng theo luật định, còn có chế độ khuyến khích khen thưởng kịp thời những tập thể và cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Công ty còn khuyến khích các hoạt động giao lưu theo nhóm ngoài giờ làm việc, trong nội bộ các Đơn vị hoặc giữa các Phòng/Đơn vị với nhau để tạo điều kiện thiết lập và tăng cường những mối quan hệ đồng nghiệp, hỗ trợ và hợp tác cùng nhau làm việc vì lợi ích chung và sự phát triển bền vững của Công ty.

3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án:

Trong năm 2019, Công ty triển khai Dự án sửa chữa, cải tạo lại một số khu vực trong khách sạn: Sửa chữa khối dịch vụ và một số tầng phòng ngủ. Tổng mức đầu tư khoảng 20 tỷ đồng.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
- Tổng giá trị tài sản	312.578.911.598	303.410.614.701	-2.933%
- Doanh thu thuần	60.213.778.815	53.070.493.587	-11.86%
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.344.603.017	2.431.228.701	180.81%
- Lợi nhuận khác	-1.000.593.615	-5.545.306	
- Lợi nhuận trước thuế	1.344.603.017	2.425.683.395	
- Lợi nhuận sau thuế	113.105.758	1.727.022.226	
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0.83	0.72
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0.72	0.68
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.53	0.50
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.10	0.94
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	3.4	8.45
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.19	0.17
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.00189	0.03
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.00076	0.011
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.00036	0.0057
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.039	0.045

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

Tổng số cổ phần của Công ty đang lưu hành là 15 triệu cổ phần và tất cả đều là cổ phần chuyển nhượng tự do.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước		
	Trong đó:		
	- Tổ chức:	1.475.914	9,84
	- Cá nhân:	13.519.986	90,13
2	Cổ đông nước ngoài		
	Trong đó:		
	- Tổ chức:	0	0
	- Cá nhân:	4.100	0,03
Tổng cộng:		15.000.000	100

(Thông tin được cập nhật tại ngày 13/11/2019 - Theo DS tổng hợp người sở hữu chứng khoán để thực hiện quyền bỏ phiếu của cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán cung cấp theo yêu cầu của PDC)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2019 Công ty không thực hiện việc tăng Vốn điều lệ.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Hiện Công ty không có cổ phiếu quỹ và trong năm 2019 cũng không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

5.5. Các chứng khoán khác:

Trong năm 2019 Công ty không thực hiện phát hành chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Tổng giá trị nguyên vật liệu được Công ty sử dụng để sản xuất các dịch vụ chính cung cấp cho khách hàng trong năm 2019 là 12.587.370.981 đồng

Công ty PTC luôn chú trọng công tác đảm bảo tiết kiệm năng lượng (điện, gas, dầu...), sử dụng các loại năng lượng cho hoạt động sản xuất kinh doanh hợp lý và hiệu quả.

- Tổng lượng điện năng tiêu thụ trong năm 2019: 1.419.762 Kw
- Tổng lượng dầu diesel tiêu thụ trong năm 2019: 600 lít
- Tổng lượng gas tiêu thụ trong năm 2019: 15.250 kg

6.3. Tiêu thụ nước:

Hiện Công ty PTC đang tiêu thụ nguồn nước được cấp từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An. Tương tự việc sử dụng năng lượng điện và các loại năng lượng khác, việc tiêu thụ nước được Công ty chú trọng đến tính hiệu quả và tiết kiệm.

Tổng lượng nước tiêu thụ trong năm 2019: 28.053 m³

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Trong năm 2019 Công ty tuân thủ đầy đủ luật pháp và các quy định về bảo vệ môi trường. Không phát sinh bất kỳ xử phạt vi phạm do không tuân thủ các quy định trên.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động bình quân năm 2019: 133 người
- Mức lương bình quân năm 2019: 6.179.197 đồng/người

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Chế độ khám sức khỏe định kỳ được thực hiện nghiêm túc, 100% người lao động tại đơn vị được cấp phát đồng phục/trang phục bảo hộ lao động và được thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của Nhà nước

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Nhận thức được tầm quan trọng của việc đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực để phát triển bền vững, Công ty PTC đã thực hiện triển khai thường xuyên, liên tục các chương trình đào tạo tại chỗ gắn với công việc hàng ngày của từng loại nhân viên. Trung bình năm 2019, mỗi nhân viên được tham gia từ 1 đến 2 khóa đào tạo tùy theo nhân viên và theo phân loại nhân viên. Nội dung đào tạo bao gồm Đào tạo định hướng và các chuẩn nghề du lịch (SOPs) do Tập đoàn Mường Thanh xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn nghề du lịch quốc gia. Ngoài ra, tất cả nhân viên thường xuyên được đào tạo tại chỗ bởi các đào tạo viên nội bộ theo kế hoạch đào tạo xây dựng cụ thể cho từng tháng trong năm.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty PTC luôn xác định bên cạnh việc phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh theo mục tiêu bền vững, Công ty còn chú trọng đến công tác an sinh xã hội tại địa phương. Tích cực hưởng ứng các hoạt động, phong trào đền ơn đáp nghĩa; các chương trình mái ấm tình thương và đặc biệt là thường xuyên tham gia các hoạt động thăm hỏi, trao quà cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn trong dịp Tết Nguyên đán.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2019:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2019	TH năm 2019	%TH/KH
A	B	C	1	2	3=2/1
1	Doanh thu	Tỷ đồng	45.920	53.070	115.57
2	Chi phí	Tỷ đồng	43.593	50.645	116.18
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2.327	2.425	61.24
4	Các khoản nộp ngân sách	Tỷ đồng	3.500	1.716	49.02
5	Đầu tư, mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	20.000	20.222	101.11

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản:

Qua việc phân tích số liệu tài chính thể hiện như trên cho thấy, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019 đã tăng đáng kể so với năm 2018. Cụ thể:

Lợi nhuận trước thuế toàn Công ty năm 2019 là 2.431.228.701 đồng, tăng 61.24% so với Lợi nhuận trước thuế toàn Công ty năm 2018.

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Qua các số liệu vừa nêu trên, ta nhận thấy có những tín hiệu khả quan trong cơ cấu nguồn tài chính của Công ty. Việc Công ty đã thanh toán được một phần tiền đặt cọc cho ngân hàng

Đại Dương bằng chính kết quả hoạt động kinh doanh của mình (mà không phát sinh thêm bất kỳ khoản vay nào khác từ các tổ chức tín dụng).

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Nhận thức rõ tầm quan trọng của cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý đối với quá trình hoạt động và phát triển của Công ty vì vậy Công ty rất chú trọng đến khâu cải tiến nếu có bất cập. Trong năm 2019 Công ty tập trung tinh giảm định biên nhân sự, không có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức, tiếp tục bám sát và nâng cao hiệu quả từ mô hình cơ cấu tổ chức được điều chỉnh từ năm 2015.

4. Kế hoạch phát triển của năm 2019:

4.1. Nhiệm vụ trọng tâm:

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, thực hiện tiết kiệm chi phí, cố gắng hoàn thành chỉ tiêu doanh thu đề ra.
- Nâng cao hiệu quả bộ máy quản lý, xây dựng chiến lược sử dụng nguồn nhân lực đáp ứng từng giai đoạn phát triển của Công ty.
- Tiếp tục duy trì và ổn định các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tập trung hoàn thành việc đầu tư cải tạo khách sạn Phương Đông.

4.2. Giải pháp thực hiện:

a) Giải pháp về tổ chức, quản lý, nhân sự:

- Ổn định biên chế, tăng cường công tác giám sát, chỉ đạo của bộ máy quản lý đối với các đơn vị, phòng chức năng trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2020.
- Đảm bảo các chính sách đối với người lao động, đẩy mạnh hoạt động đoàn thể, giúp người lao động sinh hoạt có tổ chức, phát huy vai trò của tổ chức công đoàn, giúp người lao động yên tâm công tác.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ cho yêu cầu và mục tiêu phát triển Công ty trong năm 2020 và các năm tiếp theo.

b) Các giải pháp về kinh doanh:

- Tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ; linh hoạt giá cả trong từng thời điểm, xây dựng khung giá riêng cho từng đối tượng. Xây dựng các chương trình khuyến mãi, chú trọng đến việc xây dựng các gói sản phẩm phù hợp cho nhu cầu của nhiều đối tượng, đưa thêm món ăn mới, thay đổi phong cách setup, trang trí để tạo điểm nhấn và hấp dẫn khách hàng.
- Tăng cường xây dựng mối quan hệ các đại lý du lịch, các cơ quan nước ngoài đại diện tại Việt Nam. Tập trung khai thác khách từ các công cụ bán phòng trực tuyến. Thường xuyên quan tâm đến công tác chăm sóc khách hàng truyền thống, có chế độ ưu đãi, hậu mãi đối với khách hàng mới.
- Thiết lập lại mối quan hệ với các đơn vị tại Lào và Thái Lan để đón các đoàn khách Inbout vào Việt Nam qua các cửa khẩu miền trung; tập trung khai thác khách lẻ hành sử dụng dịch vụ của đơn vị.

c) Giải pháp về tài chính:

- Tiếp tục giám sát chặt chẽ và thật linh động trong việc áp dụng các định mức tiêu hao, tỷ lệ lãi gộp trong kinh doanh nhà hàng, khách sạn.
- Thường xuyên phân tích đánh giá đúng tình hình thị trường, biến động giá cả để từ đó đưa ra các phương án, giải pháp xử lý tài chính một cách linh hoạt, hiệu quả và kịp thời.
- Có phương án sắp xếp nguồn vốn hợp lý đảm bảo cho các hoạt động kinh doanh, đầu tư và thực hiện dự án.

d). Giải pháp về Đầu tư:

- Sớm triển khai và hoàn thành các dự án nâng cấp cải tạo một số hạng mục tại Khách sạn Phương Đông như hệ thống phòng ngủ, khu massage foot.....

e) Các giải pháp khác:

- Duy trì phát huy công tác đoàn kết toàn nội bộ, xây dựng văn hóa Công ty trên cơ sở nền tảng văn hóa Tập đoàn Khách sạn Mường Thanh, coi đây là yếu tố hàng đầu quyết định thắng lợi nhiệm vụ SXKD năm 2020.
- Xây dựng các chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích phù hợp và tạo động lực làm việc cho người lao động trong Công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện các Quy trình quản lý nội bộ sát với thực tế và quy mô của Công ty và tạo thuận lợi cho hoạt động thường ngày.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2019 HĐQT cũng đã trực tiếp chỉ đạo, giám sát Giám đốc và bộ máy điều hành trong công tác SXKD, quản lý nguồn vốn, tăng cường tiết giảm chi phí, hoàn thiện hơn nữa hệ thống các quy định quản lý nội bộ trên cơ sở áp dụng các công nghệ và quy trình, quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn Mường Thanh, đồng thời có các giải pháp tiếp tục duy trì chất lượng dịch vụ.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT được Đại hội đồng cổ đông giao, các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT đã trực tiếp chỉ đạo kịp thời các hoạt động sản xuất kinh doanh, hỗ trợ Ban điều hành thực hiện tốt nhiệm vụ được ĐHCĐ và HĐQT giao thông qua các chỉ tiêu SXKD.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc:

Năm 2019, hoạt động của Công ty tiếp tục gặp phải những khó khăn nhất định. Trên phương diện quản lý, chỉ đạo, HĐQT đã tích cực hỗ trợ, chỉ đạo Ban Giám đốc và bộ máy điều hành trong việc tổ chức, triển khai các hoạt động SXKD; quản lý thực hiện các dự án cải tạo sửa chữa đúng tiến độ; thu xếp nguồn vốn đầu tư, nguồn vốn kinh doanh; tổ chức sắp xếp bộ máy, đảm bảo chế độ, chính sách đối với người lao động đúng quy định.

Với chức năng kiểm tra, giám sát, HĐQT đánh giá Ban Giám đốc và bộ máy điều hành đã cố gắng khắc phục khó khăn, điều hành hoạt động kinh doanh năm 2019 ổn định.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2019:

Trên cơ sở kết quả thực hiện công tác năm 2018, HĐQT định hướng các hoạt động trọng tâm trong năm 2019 như sau:

- 3.1. Tái cơ cấu, sắp xếp lại HĐQT dựa trên cơ cấu tỷ lệ sở hữu cổ phần, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên;
- 3.2. Chỉ đạo đẩy mạnh công tác quản lý, tăng doanh thu, lợi nhuận đối với các mảng SXKD chính và có ưu thế như khách sạn, nhà hàng;
- 3.3. Chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Giám đốc hoàn thành các chỉ tiêu SXKD năm 2019, tăng năng suất, giữ vững và nâng cao chất lượng dịch vụ;
- 3.4. Tiếp tục chỉ đạo Ban Giám đốc công ty áp dụng các biện pháp tiết giảm chi phí để nâng cao hiệu quả SXKD, bảo đảm chỉ tiêu lợi nhuận và hạn chế tối đa các rủi ro.
- 3.5. Triển khai thực hiện/giám sát thực hiện các dự án đã phê duyệt, đảm bảo chất lượng và tiến độ thi công dự án.
- 3.6. Hỗ trợ và chỉ đạo công tác huy động, thu xếp đủ nguồn vốn cho SXKD và các dự án đầu tư

xây dựng. Giám sát, chỉ đạo việc quản lý, sử dụng nguồn vốn một cách hiệu quả, thực hiện tốt nhiệm vụ bảo toàn và phát triển vốn.

3.7. Bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông cũng như quan tâm hơn nữa đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của người lao động trong Công ty. Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của tổ chức Đảng, Đoàn thể trong Công ty.

3.8. Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội cổ đông và của HĐQT cũng như thực hiện đầy đủ, hiệu quả những nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT được pháp luật, Điều lệ Công ty quy định.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

1.1.1. Cơ cấu HĐQT trước thời điểm ĐHĐCĐ thường niên 2019 (ngày 07/12/2019)

- Ông **Lê Thanh Thảo** - Chủ tịch HĐQT (kiêm nhiệm, không điều hành)

Thường trú : Lô 13, Biệt thự 3, khu Bán đảo Linh Đàm, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

Số cổ phần sở hữu : 3.000.000 Cổ phần

- Ông **Nguyễn Thế Hoàng** – Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm, không điều hành)

Thường trú : Số nhà 516-B6 Thanh Xuân Bắc – Quận Thanh Xuân – Hà Nội

Số cổ phần sở hữu : 0 Cổ phần

Ông Nguyễn Thế Hoàng là người đại diện phần vốn của Ocean Bank tại PTC, vào ngày 18/5/2018, Ocean Bank đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần nắm giữ của mình thông qua giao dịch khớp lệnh trên sàn giao dịch chứng khoán, đồng thời Ocean Bank đã có thông báo rút người đại diện phần vốn của mình, tuy nhiên hiện nay HĐQT chưa thể nhóm họp để triển khai việc miễn nhiệm tư cách thành viên HĐQT của ông Nguyễn Thế Hoàng.

- Bà **Nguyễn Thị Mai Hương** - Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm, không điều hành)

Thường trú : Số nhà 8, T9, TT361, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Số cổ phần sở hữu : 0 Cổ phần

- Bà **Lê Thị Hoàng Yến** - Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm, điều hành)

Thường trú : Lô 13, Biệt thự 3, khu Bán đảo Linh Đàm, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

Số cổ phần sở hữu : 1.406.000 Cổ phần

- Ông **Trần Hoài Đức** - Thành viên HĐQT (độc lập, kiêm nhiệm, không điều hành)

Thường trú : Tân Trường, Cẩm Giàng, Hải Dương

Số cổ phần sở hữu : 0 Cổ phần

- Ông **Trần Hải Nam** - Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm, không điều hành)

Thường trú : 29 Đường 9, Tam Đa, Long Trường, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh

Số cổ phần sở hữu : 0 Cổ phần

1.1.2. Cơ cấu HĐQT sau khi kết thúc ĐHĐCĐ thường niên 2019 (ngày 07/12/2019):

- Ông **Lê Thanh Thảo** - Chủ tịch HĐQT (kiêm nhiệm, không điều hành)

Thường trú : Lô 13, Biệt thự 3, khu Bán đảo Linh Đàm, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

Số cổ phần sở hữu : 3.000.000 Cổ phần

- Ông **Đinh Sỹ Đức** - Phó Chủ tịch HĐQT/Thành viên độc lập HĐQT
Thường trú : Khối 8 - Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
Số cổ phần sở hữu : 0 Cổ phần
- Bà **Lê Thị Hoàng Yến** - Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm, điều hành)
Thường trú : Lô 13, Biệt thự 3, khu Bán đảo Linh Đàm, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, Hà Nội
Số cổ phần sở hữu : 1.406.000 Cổ phần
- Ông **Thái Hồng Nhã** - Thành viên HĐQT/Giám đốc Công ty
Thường trú : Khối 4, P.Trường Thi, Tp.Vinh, Nghệ An
Số cổ phần sở hữu : 0 Cổ phần
- Ông **Lê Văn Thìn** - Thành viên độc lập HĐQT
Thường trú : Khối Yên Toàn, Phường Hà Huy Tập, Thành Phố Vinh, NA
- Bà **Phạm Thị Thu Thủy** - Thành viên HĐQT
Thường trú : 1522, VP3, Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
Số cổ phần sở hữu : 1.659.000 cổ phần

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hiện Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông không thành lập các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Do phần lớn thời gian của năm 2019, các Thành viên HĐQT đều là Thành viên kiêm nhiệm, mặt khác do có nhiều biến động về cơ cấu sở hữu cổ phần của các cổ đông lớn, vì vậy kể từ ngày 07/12/2019 trở về trước, HĐQT chưa thể nhóm họp để bầu bổ sung, tái cơ cấu lại tổ chức hoạt động của mình cũng như phân công lại nhiệm vụ cho các thành viên. Sau khi kết thúc ĐHĐCĐ thường niên 2019 vào ngày 07/12/2019, HĐQT đã họp bầu các chức danh trong HĐQT, tái cơ cấu lại HĐQT và tổ chức hoạt động của mình. Tuy nhiên do thời gian còn lại của năm 2019 quá ít nên các hoạt động của HĐQT kể từ sau ĐHĐCĐ thường niên 2019 chưa có những kết quả đáng kể.

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Từ năm 2015, Hội đồng quản trị đã phân công một thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phụ trách riêng về công tác lương thưởng, nhân sự. Trong năm 2019, tư cách thành viên HĐQT độc lập vẫn được duy trì. Sau ĐHĐCĐ thường niên 2019, ĐHĐCĐ đã bầu lại HĐQT nhiệm kỳ mới, theo đó bổ sung thêm 01 thành viên độc lập HĐQT, nâng số thành viên độc lập HĐQT lên 02 thành viên, đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.

1.5. Hoạt động của các Tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông không thành lập các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị nên các hoạt động đều do Hội đồng quản trị thực hiện. Giúp việc cho Hội đồng quản trị có Thư ký Công ty.

1.6. Các Thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Năm 2019, PTC có 2/6 thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty do Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo Chứng khoán cấp.

2. Ban kiểm soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Thời gian từ 01/01/2019 đến 07/12/2019:

Bà Lê Thị Thu Hương - Trưởng BKS (chuyên trách)
Thường trú : Phường Hưng Dũng, Tp. Vinh, Nghệ An
Số cổ phần sở hữu : 1900 Cổ phần

ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 đã miễn nhiệm do hết nhiệm kỳ BKS 2013-2018 theo quy định của Điều lệ Công ty.

Bà Lê Khánh Linh - Thành viên BKS (kiêm nhiệm) đến hết ngày 05/7/2016
Thường trú : SN 42, TT UBND huyện Từ Liêm, Trần Cung, Hà Nội
Số cổ phần sở hữu : 0 Cổ phần

Đã có đơn từ nhiệm kể từ ngày 05/7/2016, được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 phê duyệt.

Bà Nguyễn Thị Thúy Nga - Thành viên BKS đến hết ngày 05/7/2016 (kiêm nhiệm)
Thường trú : Khối 13, Phường Cửa Nam, Tp. Vinh, Nghệ An
Số cổ phần sở hữu : 0 Cổ phần

Đã có đơn từ nhiệm kể từ ngày 05/7/2016, được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 phê duyệt.

Ngày 07/12/2019, ĐHĐCĐ thường niên đã bầu BKS nhiệm kỳ 2018-2023, thành viên và cơ cấu BKS như sau :

Bà Lê Thị Thu Hương - Trưởng BKS (chuyên trách)
Thường trú : Phường Hưng Dũng, Tp. Vinh, Nghệ An
Số cổ phần sở hữu : 1900 Cổ phần

Bà Nguyễn Thị Việt Hà - Thành viên BKS (kiêm nhiệm)
Thường trú : Nhà số 6, Ngõ 10 hẻm 10, Đường Bùi Huy Bích, Tp. Vinh, Nghệ An
Số cổ phần sở hữu : 0 Cổ phần

Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Thành viên BKS (kiêm nhiệm)
Thường trú : Phường Trung Đô, Tp. Vinh, Nghệ An
Số cổ phần sở hữu : 0 Cổ phần

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được pháp luật, Điều lệ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông quy định. Tuy nhiên, trong thời gian bộ máy hoạt động của Ban kiểm soát chưa được bổ sung đủ số lượng thành viên theo điều lệ công ty, nên hoạt động còn nhiều hạn chế, chưa thực hiện đầy đủ và đúng quy định tại điều lệ Công ty và các quy định quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty. Năm 2019, không có yêu cầu, kiến nghị nào từ phía cổ đông gửi đến Ban kiểm soát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích trong năm 2019:

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích	Ghi chú
Hội đồng quản trị				
1	Lê Thanh Thân	CT HĐQT	36.000.000	Kiểm nhiệm
2	Nguyễn Thị Mai Hương	TV HĐQT	16.500.000	Kiểm nhiệm
3	Lê Thị Hoàng Yến	TV HĐQT	18.000.000	Kiểm nhiệm
4	Trần Hoài Đức	TV HĐQT	16.500.000	Kiểm nhiệm
5	Trần Hải Nam	TV HĐQT	16.850.000	Kiểm nhiệm
6	Lê Văn Thìn	TV HĐQT	1.150.000	Kiểm nhiệm (từ 7/12/2019)
7	Thái Hồng Nhã	TV HĐQT	1.150.000	Kiểm nhiệm (từ 7/12/2019)
8	Phạm Thị Thu Thủy	TV HĐQT	1.150.000	Kiểm nhiệm (từ 7/12/2019)
9	Đinh Sỹ Đức	PCT HĐQT	15.300.000	Chuyên trách (từ 7/12/2019)
Ban kiểm soát				
1	Lê Thị Thu Hương	Trưởng BKS	156.000.000	Chuyên trách
2	Nguyễn Thị Việt Hà	TV BKS	690.000	
3	Nguyễn Thị Nguyệt	TVBKS	690.000	
Ban Giám đốc				
1	Thái Hồng Nhã	Giám đốc	300.000.000	
2	Trương Thị Thu Huyền	Phó Giám đốc	285.000.000	

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Không ghi nhận các giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2019

3.3. Hợp đồng và giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không ghi nhận các hợp đồng và giao dịch với cổ đông nội bộ.

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Thực hiện theo quy định của Pháp luật.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019:

1. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

1. Trích ý kiến của Kiểm toán:

Trích ý kiến của đơn vị kiểm toán tại BCTC năm 2019:

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông.

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 27 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt

động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên:

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Công ty đang hạch toán và theo dõi khoản công nợ chưa được đối chiếu xác nhận trên khoản mục “Người mua trả tiền trước” với số tiền 7.339.059.700 VND.

Như đã trình bày tại mục số 5.14.2 - Phải trả, phải nộp khác dài hạn khác, tại thời điểm 31/12/2019 Công ty theo dõi khoản tiền nhận đặt cọc của Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương về việc mua, bán bất động sản là Công trình "Trung tâm hội nghị khách sạn Phương Đông tại phường Trường thi, thành phố Vinh" là 11.784.350.352 VND (tại thời điểm 01/01/2019 khoản tiền nhận đặt cọc là 24.094.150.352 VND).

Công trình đã hoàn thành từ năm 2015, tuy nhiên do thủ tục chuyển đổi quyền sở hữu không thành công, nên giao dịch mua bán không được thực hiện. Năm 2019, Công ty đã thực hiện hoàn trả Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương số tiền 12.309.800.000 đồng.

Theo quy định của Hợp đồng đặt cọc: trường hợp Hợp đồng mua bán không được thực hiện, Công ty có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền Ngân hàng Đại Dương đã thanh toán và tiền lãi tương ứng (lãi suất kỳ hạn 12 tháng tại thời điểm hoàn trả + 5%).

Công ty đã có phương án chuyển hợp đồng mua bán bất động sản thành hợp đồng cho thuê ngắn hạn theo CV số 04/CV-PTC ngày 08/01/2018 gửi Ngân hàng Đại Dương, theo đó Công ty sẽ thanh toán tiền lãi phát sinh từ 28/10/2013 đến 18/04/2014, đồng thời Ngân hàng Đại Dương sẽ thanh toán tiền thuê mặt bằng cho Công ty từ 01/09/2014 đến 18/04/2017. Tuy nhiên phương án trên chưa được 2 bên thống nhất. Ước tính chi phí lãi vay phát sinh phải trả theo Hợp đồng trên đến ngày 31/12/2019 là 14.875.276.024 VND. Công ty chưa thực hiện ghi nhận khoản chi phí này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh:

Như Công ty đã trình bày tại phần thuyết minh mục số 5.12 - Phải trả người bán ngắn hạn: Ngày 16/11/2015 Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác đầu tư số 607/PTC/HTĐT-2015 với Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên để thực hiện Dự án Khu phức hợp Chung cư - Khách sạn Cửa Đông tại số 167, đường Nguyễn Phong Sắc, phường Hưng Dũng, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An. Theo hợp đồng này hai bên sẽ thành lập pháp nhân mới ở bất kỳ thời điểm nào đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận của hai bên để thực hiện và khai thác dự án, xác định tỷ lệ sở hữu của 2 bên khi hoàn thành xong Dự án tương ứng với tỷ lệ góp vốn thực tế của hai bên để thực hiện Dự án. Tuy nhiên, do vướng mắc về mặt pháp lý liên quan đến việc chuyển đổi chủ đầu tư dự án nên: Công ty đã ký kết các Hợp đồng với Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên (là bên liên quan của Công ty) theo hình thức chỉ định thầu để thực hiện thi công xây dựng Dự án Khu phức hợp Chung cư - Khách sạn Cửa Đông:

Hợp đồng số 658/2015/HĐTT ngày 20/12/2015 về việc lập dự án, chuẩn bị đầu tư, thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình với giá trị 77.676.000.000 VND (giá đã bao gồm thuế GTGT).

Và Hợp đồng số 62/2016/HĐTC ngày 21/02/2016 về việc thi công xây dựng phần hoàn thiện công trình với giá trị 48.489.383.942 VND (giá đã bao gồm thuế GTGT).

Tính đến ngày lập Báo cáo tài chính, hợp đồng 607/PTC/HTĐT-2015 Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông và Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên chưa thực hiện thanh lý hợp đồng số 607/PTC/HTĐT-2015.

Tp. Vinh, ngày 13 tháng 4 năm 2020

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP



Thái Hồng Nhã

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **27** /PTC-TCKT

V/v: Giải trình một số vấn đề sau báo cáo kiểm
toán năm 2019

Tp. Vinh, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội

Liên quan đến một số vấn đề sau báo cáo kiểm toán năm 2019, Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông xin giải trình như sau:

1. Giải trình ý kiến ngoại trừ:

- Tại ngày 30/06/2017, khoản mục người mua trả tiền trước chưa được đối chiếu xác nhận kịp thời.
- Khoản nhận đặt cọc của ngân hàng Đại Dương đã trình phương án chuyển sang cho vay tính lãi và mặt bằng sử dụng chuyển sang cho thuê, tuy nhiên phương án chưa được thống nhất nên kế toán chưa phản ánh khoản này vào sổ sách kế toán.

2. Chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2019 tăng so với năm 2018 là do:

- Mặc dù doanh thu năm 2019 giảm so với năm 2018 là: 7.143.285.228đ (Giảm 11.86%). Tuy nhiên giá vốn hàng bán giảm lớn hơn mức giảm doanh thu (giảm 12.9%)

Từ nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận năm 2019 tăng 1.613.916.468đ so với năm 2018.

3. Lợi nhuận tự lập của năm 2019 so với báo cáo kiểm toán có sự chênh lệch là do:

- Kế toán phản ánh thiếu giá vốn bất động sản.
- Từ nguyên nhân trên dẫn đến báo cáo tự lập năm 2019 có chênh lệch so với báo cáo sau kiểm toán.

Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông xin giải trình để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các cổ đông của Công ty được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website PTC (để đăng tin);
- Lưu: VT, TCKT,

GIÁM ĐỐC CÔNG TY *gh*

Chải Hồng Nhã

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900781381 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 21/10/2016.

Vốn điều lệ: 150.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 15.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: PDC

Trụ sở chính của Công ty tại Số 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Thanh Thân	Chủ tịch HĐQT	
Ông Đinh Sỹ Đức	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 12/12/2019
Bà Lê Thị Hoàng Yến	Thành viên HĐQT	
Ông Thái Hồng Nhã	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 12/12/2019
Ông Lê Văn Thìn	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 12/12/2019
Bà Phạm Thu Thủy	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 12/12/2019
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 12/12/2019
Ông Trần Hải Nam	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 12/12/2019
Ông Trần Hoài Đức	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 12/12/2019

Ban kiểm soát

Bà Lê Thị Thu Hương	Trưởng Ban kiểm soát	
Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 12/12/2019
Bà Nguyễn Thị Việt Hà	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 12/12/2019

Ban Giám đốc

Ông Thái Hồng Nhã	Giám đốc
Bà Trương Thị Thu Huyền	Phó Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Thái Hồng Nhã - Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Thái Hồng Nhã

Giám đốc

Nghệ An, ngày 27 tháng 03 năm 2020



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 052/2020/BCKT-PB.00008

PKF
Accountants &
business advisers

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 27 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Công ty đang hạch toán và theo dõi khoản công nợ chưa được đối chiếu xác nhận trên khoản mục "Người mua trả tiền trước" với số tiền 7.339.059.700 VND.
- Như đã trình bày tại mục số 5.14.2 - Phải trả, phải nộp khác dài hạn khác, tại thời điểm 31/12/2019 Công ty theo dõi khoản tiền nhận đặt cọc của Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương về việc mua, bán bất động sản là Công trình "Trung tâm hội nghị khách sạn Phương Đông tại phường Trường thi, thành phố Vinh" là 11.784.350.352 VND (tại thời điểm 01/01/2019 khoản tiền nhận đặt cọc là 24.094.150.352 VND).

Công trình đã hoàn thành từ năm 2015, tuy nhiên do thủ tục chuyển đổi quyền sở hữu không thành công, nên giao dịch mua bán không được thực hiện. Năm 2019, Công ty đã thực hiện hoàn trả Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương số tiền 12.309.800.000 đồng.

Theo quy định của Hợp đồng đặt cọc: trường hợp Hợp đồng mua bán không được thực hiện, Công ty có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền Ngân hàng Đại Dương đã thanh toán và tiền lãi tương ứng (lãi suất kỳ hạn 12 tháng tại thời điểm hoàn trả + 5%).

Công ty đã có phương án chuyển hợp đồng mua bán bất động sản thành hợp đồng cho thuê ngắn hạn theo CV số 04/CV-PTC ngày 08/01/2018 gửi Ngân hàng Đại Dương, theo đó Công ty sẽ thanh toán tiền lãi phát sinh từ 28/10/2013 đến 18/04/2014, đồng thời Ngân hàng Đại Dương sẽ thanh toán tiền thuê mặt bằng cho Công ty từ 01/09/2014 đến 18/04/2017. Tuy nhiên phương án trên chưa được 2 bên thống nhất. Ước tính chi phí lãi vay phát sinh phải trả theo Hợp đồng trên đến ngày 31/12/2019 là 14.875.276.024 VND. Công ty chưa thực hiện ghi nhận khoản chi phí này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

- Như Công ty đã trình bày tại phần thuyết minh mục số 5.12 - Phải trả người bán ngắn hạn: Ngày 16/11/2015 Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác đầu tư số 607/PTC/HTĐT-2015 với Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên để thực hiện Dự án Khu phức hợp Chung cư - Khách sạn Cửa Đông tại số 167, đường Nguyễn Phong Sắc, phường Hưng Dũng, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An. Theo hợp đồng này hai bên sẽ thành lập pháp nhân mới ở bất kỳ thời điểm nào đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận của hai bên để thực hiện và khai thác dự án, xác định tỷ lệ sở hữu của 2 bên khi hoàn thành xong Dự án tương ứng với tỷ lệ góp vốn thực tế của hai bên để thực hiện Dự án. Tuy nhiên, do vướng mắc về mặt pháp lý liên quan đến việc chuyển đổi chủ đầu tư dự án nên: Công ty đã ký kết các Hợp đồng với Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên (là bên liên quan của Công ty) theo hình thức chỉ định thầu để thực hiện thi công xây dựng Dự án Khu phức hợp Chung cư - Khách sạn Cửa Đông:

Hợp đồng số 658/2015/HĐTT ngày 20/12/2015 về việc lập dự án, chuẩn bị đầu tư, thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình với giá trị 77.676.000.000 VND (giá đã bao gồm thuế GTGT).

Và Hợp đồng số 62/2016/HĐTC ngày 21/02/2016 về việc thi công xây dựng phần hoàn thiện công trình với giá trị 48.489.383.942 VND (giá đã bao gồm thuế GTGT).

Tính đến ngày lập Báo cáo tài chính, hợp đồng 607/PTC/HTĐT-2015 Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông và Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên chưa thực hiện thanh lý hợp đồng số 607/PTC/HTĐT-2015.



Phạm Tuấn Vũ

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2030-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Đặng Ngọc Khánh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2505-2019-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2019	01/01/2019
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		101.812.342.030	116.665.955.892
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.456.849.083	16.943.715.479
1. Tiền	111		3.456.849.083	9.860.082.229
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	7.083.633.250
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		92.392.344.390	80.858.120.214
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	100.400.527.796	87.852.775.834
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	28.985.146.007	30.082.264.721
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	8.535.541.596	8.451.950.668
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(45.528.871.009)	(45.528.871.009)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.6	5.282.390.497	15.267.665.731
1. Hàng tồn kho	141		5.282.390.497	15.267.665.731
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		680.758.060	3.596.454.468
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	343.628.015	339.260.108
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		337.130.045	2.929.479.127
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	-	327.715.233
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		201.598.272.671	195.912.955.706
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		500.000.000	500.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	500.000.000	500.000.000
II/ Tài sản cố định	220		121.740.695.929	128.306.735.777
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	121.740.695.929	128.306.735.777
- Nguyên giá	222		208.959.210.084	206.845.387.204
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(87.218.514.155)	(78.538.651.427)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		442.380.500	442.380.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(442.380.500)	(442.380.500)
III/ Bất động sản đầu tư	230	5.9	52.359.267.603	53.611.206.050
- Nguyên giá	231		57.692.617.503	57.210.892.550
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.333.349.900)	(3.599.686.500)
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		309.842.006	965.016.433
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	309.842.006	965.016.433
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250		12.172.670.000	12.172.670.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.11	12.172.670.000	12.172.670.000
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		14.515.797.133	357.327.446
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	14.515.797.133	357.327.446
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		303.410.614.701	312.578.911.598

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2019	01/01/2019
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		153.198.245.972	164.093.565.095
I/ Nợ ngắn hạn	310		141.350.095.620	139.935.614.743
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	131.141.026.519	129.588.672.008
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	7.351.159.700	7.361.031.700
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	502.429.357	127.912.733
4. Phải trả người lao động	314		1.479.149.998	1.383.342.102
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	273.010.690	244.451.753
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17	271.933.939	257.115.350
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	303.460.417	945.164.097
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		27.925.000	27.925.000
II/ Nợ dài hạn	330		11.848.150.352	24.157.950.352
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	11.848.150.352	24.157.950.352
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		150.212.368.729	148.485.346.503
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.18	150.212.368.729	148.485.346.503
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		22.819.811.566	22.819.811.566
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		116.593.948	116.593.948
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(22.724.036.785)	(24.451.059.011)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(24.451.059.011)	(24.564.164.769)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.727.022.226	113.105.758
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		303.410.614.701	312.578.911.598



Thái Hồng Nhã
Giám Đốc

Nghệ An, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Thúy Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thúy Nga
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chợ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	53.070.493.587	60.213.778.815
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		53.070.493.587	60.213.778.815
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	44.642.722.535	52.416.451.328
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.427.771.052	7.797.327.487
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	552.847.067	728.959.329
7. Chi phí tài chính	22		-	16.950
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		630.713.969	592.995.081
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	5.918.675.449	5.588.078.153
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.431.228.701	2.345.196.632
11. Thu nhập khác	31	6.5	801.789.786	794.097.312
12. Chi phí khác	32	6.6	807.335.092	1.794.690.927
13. Lợi nhuận khác	40		(5.545.306)	(1.000.593.615)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.425.683.395	1.344.603.017
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	698.661.169	1.231.497.259
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.727.022.226	113.105.758
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	115	8
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.8	115	8



Thái Hồng Nhã
Giám Đốc

Nghệ An, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Thúy Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thúy Nga
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

		Đơn vị tính: VND	
Chỉ tiêu	MS	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.425.683.395	1.344.603.017
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	10.536.929.139	11.258.334.247
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	7.420
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(552.847.067)	465.707.116
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.409.765.467	13.068.651.800
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(8.614.159.861)	(10.688.556.895)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	9.985.275.234	3.741.792.973
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(11.593.980.292)	2.215.149.191
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(14.162.837.594)	640.031.379
- Thuế TNDN đã nộp	15	-	(2.408.624.498)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11.975.937.046)	6.568.443.950
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.063.776.417)	(10.500.398.464)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	36.363.636
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	552.847.067	728.949.799
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.510.929.350)	(9.735.085.029)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(13.486.866.396)	(3.166.641.079)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	16.943.715.479	20.110.356.558
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3.456.849.083	16.943.715.479



Thái Hồng Nhã
Giám Đốc

Nghệ An, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Thúy Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thúy Nga
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900781381 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 21/10/2016.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 29/09/2009 với mã chứng khoán là PDC, số lượng cổ phiếu là 15.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 10 là 150.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, điều hành tour du lịch.

1.3 Ngành nghề kinh doanh chính

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Khách sạn);
- Đại lý dịch vụ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới, ...);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Điều hành tua du lịch (Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế);
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, phương tiện phục vụ ngành du lịch;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân đầu (Chi tiết: Bán buôn phân bón);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn đồ dùng khác trong gia đình (Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm);
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác quặng sắt;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc chủ đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Bán vé máy bay và các phương tiện vận chuyển công cộng);
- Bán lẻ hàng hoá khác mới trong các hàng hoá chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Hoạt động trung gian tiền tệ khác (Chi tiết: Đại lý thu hồi ngoại tệ);
- Dịch vụ tắm hơi, massage và dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao).

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2019, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chor năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chợ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chợ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc thiết bị có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa, phục hồi tài sản

Các chi phí sửa chữa, phục hồi tài sản phát sinh được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	70.030.874	415.966.264
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.386.818.209	9.444.115.965
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	7.083.633.250
Cộng	3.456.849.083	16.943.715.479

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	80.187.950.831	-	68.368.459.715	-
Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên (i)	80.187.950.831	-	68.368.459.715	-
Các bên khác	20.212.576.965	(17.919.639.386)	19.484.316.119	(17.919.639.386)
Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH (ii)	17.341.643.231	(17.341.643.231)	17.341.643.231	(17.341.643.231)
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.870.933.734	(577.996.155)	2.142.672.888	(577.996.155)
Cộng	100.400.527.796	(17.919.639.386)	87.852.775.834	(17.919.639.386)

(i) Chi tiết tại mục 5.12

(ii) Chi tiết tại mục 5.3

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH (i)	27.097.000.000	(27.097.000.000)	27.097.000.000	(27.097.000.000)
Các khoản trả trước cho người bán khác	1.888.146.007	(130.593.850)	2.985.264.721	(130.593.850)
Cộng	28.985.146.007	(27.227.593.850)	30.082.264.721	(27.227.593.850)

(i) Khoản phải thu và khoản trả trước cho Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH được thực hiện theo các Hợp đồng về việc mua bán sản lát khô đựng bao.

Ngày 18/01/2010, Tòa án Nhân dân tỉnh Kon Tum đã ra Quyết định số 01/2010/QĐ-MTTPS về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH và đã gửi Thông báo số 01/PS-TBTA ngày 25/01/2010 tới Công ty với tư cách là chủ nợ thương mại theo quy định của Luật Phá sản. Ngày 13/12/2011, Công ty đã nhận được Quyết định phân chia tài sản từ Tòa án Nhân dân tỉnh Kon Tum về số tài sản của Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH với số tiền thu hồi là 78.356.769 đồng. Ngày 11/01/2012, Công ty đã nhận được Quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án Nhân dân tỉnh Kon Tum. Công ty đã thực hiện trích lập 100% dự phòng cho các khoản công nợ phải thu khó đòi này với số tiền 44.438.643.231 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chor năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.4 Phải thu khác

5.4.1 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	7.339.059.700	-	7.339.059.700	-
Ông Lê Thanh Thân	7.339.059.700	-	7.339.059.700	-
Các bên khác	1.196.481.896	(381.637.773)	1.112.890.968	(381.637.773)
Tiền tạm ứng cho CBNV	373.874.773	(369.674.773)	423.674.773	(369.674.773)
Phải thu khác	822.607.123	(11.963.000)	689.216.195	(11.963.000)
Cộng	8.535.541.596	(381.637.773)	8.451.950.668	(381.637.773)

5.4.2 Phải thu khác dài hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	500.000.000	-	500.000.000	-
Cộng	500.000.000	-	500.000.000	-

5.5 Nợ xấu

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH	44.438.643.231	-	44.438.643.231	-
Các đối tượng khác	1.090.227.778	-	1.090.227.778	-
Cộng	45.528.871.009	-	45.528.871.009	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	353.863.104	-	490.542.200	-
Công cụ, dụng cụ	23.740.473	-	65.364.980	-
Thành phẩm bất động sản	4.904.786.920	-	14.711.758.551	-
Cộng	5.282.390.497	-	15.267.665.731	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.7 Chi phí trả trước

5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	343.628.015	339.260.108
Cộng	343.628.015	339.260.108

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	377.419.594	357.327.446
Chi phí sửa chữa, nội thất	14.138.377.539	-
Cộng	14.515.797.133	357.327.446

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định

5.8.1 Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2019	174.177.903.200	28.760.155.190	2.972.053.983	935.274.831	206.845.387.204
Mua trong năm	-	1.150.787.000	-	1.081.855.560	2.232.642.560
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(118.819.680)	(118.819.680)
Số dư tại 31/12/2019	174.177.903.200	29.910.942.190	2.972.053.983	1.898.310.711	208.959.210.084
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư tại 01/01/2019	53.393.026.411	21.882.384.157	2.487.059.134	776.181.725	78.538.651.427
Khấu hao trong năm	6.184.483.307	2.176.878.157	139.554.000	302.350.275	8.803.265.739
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(118.819.680)	(118.819.680)
Giảm khác	(4.583.331)	-	-	-	(4.583.331)
Số dư tại 31/12/2019	59.572.926.387	24.059.262.314	2.626.613.134	959.712.320	87.218.514.155
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2019	120.784.876.789	6.877.771.033	484.994.849	159.093.106	128.306.735.777
Số dư tại 31/12/2019	114.604.976.813	5.851.679.876	345.440.849	938.598.391	121.740.695.929

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2019 là 13.980.000.632 VND, tại 01/01/2019 là 9.565.107.883 VND.

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản phải trả tại 31/12/2019 là 25.191.273.335 VND, tại 01/01/2019 là 26.570.166.611 VND (i).

(i) Là giá trị còn lại của TSCĐ "Trung tâm hội nghị khách sạn Phương Đông" dùng để thế chấp cho khoản tiền nhận của Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương theo Hợp đồng đặt cọc mua, bán bất động sản số 02/2013/HĐĐC/OJB-PDC ngày 15/10/2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.8.2 Tăng, giảm TSCĐ vô hình

	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2019	442.380.500	442.380.500
Số dư tại 31/12/2019	442.380.500	442.380.500
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư tại 01/01/2019	442.380.500	442.380.500
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2019	442.380.500	442.380.500
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2019	-	-
Số dư tại 31/12/2019	-	-

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là: 442.380.500 VND; tại ngày 01/01/2019 là: 442.380.500 VND.

5.9 Bất động sản đầu tư

	Nhà và quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2019	57.210.892.550	57.210.892.550
Tăng khác	481.724.953	481.724.953
Số dư tại 31/12/2019	57.692.617.503	57.692.617.503
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư tại 01/01/2019	3.599.686.500	3.599.686.500
Khấu hao trong năm	1.733.663.400	1.733.663.400
Số dư tại 31/12/2019	5.333.349.900	5.333.349.900
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2019	53.611.206.050	53.611.206.050
Số dư tại 31/12/2019	52.359.267.603	52.359.267.603

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Sửa chữa	309.842.006	965.016.433
Cải tạo sảnh khách sạn Phương Đông	309.842.006	965.016.433
Cộng	309.842.006	965.016.433

5.11 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	DP	Giá hợp lý	Giá gốc	DP	Giá hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Sài Gòn - Kim Liên	12.172.670.000	-	12.172.670.000	12.172.670.000	-	12.172.670.000
(i)						
Cộng	12.172.670.000	-	12.172.670.000	12.172.670.000	-	12.172.670.000

(i) Khoản đầu tư vào Công ty CP Sài Gòn - Kim Liên: số lượng cổ phiếu nắm giữ là 1.217.267 cổ phần (tương đương với 16,45% quyền biểu quyết), hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn.

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các bên liên quan	125.785.569.288	125.785.569.288	124.761.146.449	124.761.146.449
Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên (i)	125.785.569.288	125.785.569.288	124.761.146.449	124.761.146.449
Các bên khác	5.355.457.231	5.355.457.231	4.827.525.559	4.827.525.559
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	4.655.619.963	4.655.619.963	4.655.619.963	4.655.619.963
Phải trả cho các đối tượng khác	699.837.268	699.837.268	171.905.596	171.905.596
Cộng	131.141.026.519	131.141.026.519	129.588.672.008	129.588.672.008

(i) Công ty đang ghi nhận các khoản công nợ phải thu, công nợ phải trả với Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên:

- Khoản phải thu khách hàng với số tiền 80.187.950.831 VND;
- Khoản phải trả người bán ngắn hạn số tiền 125.785.569.288 VND.

Công ty CP Du lịch Dầu khí*Phương Đông (Bên A) và Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên (Bên B) đã ký Hợp đồng hợp tác đầu tư số 607/PTC/HTĐT-2015 ngày 16/11/2015 để thực hiện Dự án Khu phức hợp Chung cư - Khách sạn Cửa Đông tại địa điểm trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Hai bên thống nhất hợp tác đầu tư và thành lập pháp nhân mới ở bất kỳ thời điểm nào đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận của hai bên để thực hiện và khai thác dự án, xác định tỷ lệ sở hữu của 2 bên khi hoàn thành xong Dự án tương ứng với tỷ lệ góp vốn thực tế của hai bên để thực hiện Dự án, cụ thể:

+ Bên A: Góp vốn bằng toàn bộ các quyền, quyền lợi, lợi ích của chủ đầu tư phát sinh từ Dự án tại lô đất số 167 Nguyễn Phong Sắc, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An (được định giá dựa trên lợi thế thương mại của Dự án và các chi phí bên A đã bỏ ra trong quá trình triển khai Dự án tính đến thời điểm hợp tác). Hai bên tạm thống nhất giá trị tài sản góp vốn của Bên A nên trên là 10 tỷ đồng trên cơ sở văn bản định giá đất số 1671/STC-QLG&CS ngày 19/06/2013 của Sở tài chính tỉnh Nghệ An.

+ Bên B: Góp vốn bằng tiền, tài sản và hình thức khác bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình xây dựng, thực hiện Dự án (bao gồm nhưng không giới hạn trong các giai đoạn triển khai Dự án, thiết kế điều chỉnh, xây dựng Dự án,...). Tỷ lệ sở hữu của Bên B tại pháp nhân được thành lập sẽ được xác định trên cơ sở số tiền góp vốn thực tế Bên B đã góp trong quá trình triển khai Dự án.

Tuy nhiên, do vướng mắc về mặt pháp lý liên quan đến việc chuyển đổi chủ đầu tư dự án nên Công ty đã ký kết các Hợp đồng với Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên (là bên liên quan của Công ty) theo hình thức chỉ định thầu để thực hiện thi công xây dựng Dự án Khu phức hợp Chung cư - Khách sạn Cửa Đông:

Hợp đồng số 658/2015/HĐTT ngày 20/12/2015 về việc lập dự án, chuẩn bị đầu tư, thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình với giá trị 77.676.000.000 đồng (giá đã bao gồm thuế GTGT).

Và Hợp đồng số 62/2016/HĐTC ngày 21/02/2016 về việc thi công xây dựng phần hoàn thiện công trình với giá trị 48.489.383.942 đồng (giá đã bao gồm thuế GTGT).

Tính đến ngày lập Báo cáo tài chính, hợp đồng số 607/PTC/HTĐT-2015 giữa công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông với Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên vẫn chưa thực hiện thanh lý.

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Khách hàng trả tiền hàng	7.339.059.700	7.339.059.700	7.339.059.700	7.339.059.700
Các đối tượng khác	12.100.000	12.100.000	21.972.000	21.972.000
Cộng	7.351.159.700	7.351.159.700	7.361.031.700	7.361.031.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.14 Các khoản phải trả, phải nộp khác

5.14.1 Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Kinh phí công đoàn	52.941.694	52.941.694	156.128.314	156.128.314
Bảo hiểm xã hội	133.162.995	133.162.995	130.183.441	130.183.441
Bảo hiểm y tế	17.985.733	17.985.733	17.436.613	17.436.613
Bảo hiểm thất nghiệp	9.369.995	9.369.995	9.140.627	9.140.627
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	90.000.000	90.000.000	95.000.000	95.000.000
Phải trả khác	-	-	537.275.102	537.275.102
Cộng	303.460.417	303.460.417	945.164.097	945.164.097

5.14.2 Phải trả, phải nộp khác dài hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	11.784.350.352	11.784.350.352	24.094.150.352	24.094.150.352
(i)				
Phải trả dài hạn khác	63.800.000	63.800.000	63.800.000	63.800.000
Cộng	11.848.150.352	11.848.150.352	24.157.950.352	24.157.950.352

(i) Khoản tiền nhận của Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương theo Hợp đồng đặt cọc mua, bán bất động sản số 02/2013/HĐĐC/OJB-PDC ngày 15/10/2013.

Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông (Bên A) là Chủ đầu tư Dự án "Trung tâm hội nghị khách sạn Phương Đông tại phường Trường thi, thành phố Vinh" (gọi tắt là "Công trình") tại số 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An. Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương (Bên B) có nhu cầu mua toàn bộ mặt bằng tầng 1 phần Công trình để làm trụ sở kinh doanh của Bên B. Hai bên sẽ ký Hợp đồng mua bán chính thức diện tích mua đã được hoàn thiện về cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng với giá mua bán là 33.963.000.000 VND.

Tại thời điểm 31/12/2019, khoản tiền đặt cọc do giao dịch mua bán không được thực hiện mà bên A còn phải hoàn trả bên B là: 11.784.350.352 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.15 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	50.671.596	449.981.360	449.995.473	-	50.657.483
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	370.945.926	-	698.661.159	327.715.233	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	78.051.984	22.939.783	26.496.368	-	74.495.399
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.321.551.226	1.321.551.226	-	-
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	2.759.851	-	-	-	2.759.851
Cộng	-	502.429.357	1.798.472.369	2.500.704.226	327.715.233	127.912.733

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phí kiểm toán	63.636.364	-
Các khoản trích trước khác	209.374.326	244.451.753
Cộng	273.010.690	244.451.753

5.17 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	271.933.939	257.115.350
Cộng	271.933.939	257.115.350

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.18 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2018	150.000.000.000	22.819.811.566	116.593.948	(24.564.164.769)	148.372.240.745
Lãi trong năm	-	-	-	113.105.758	113.105.758
Số dư tại 31/12/2018	150.000.000.000	22.819.811.566	116.593.948	(24.451.059.011)	148.485.346.503
Số dư tại 01/01/2019	150.000.000.000	22.819.811.566	116.593.948	(24.451.059.011)	148.485.346.503
Lãi trong năm	-	-	-	1.727.022.226	1.727.022.226
Số dư tại 31/12/2019	150.000.000.000	22.819.811.566	116.593.948	(22.724.036.785)	150.212.368.729

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019			01/01/2019		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Ông Lê Thanh Thân	3.000.000	30.000.000.000	20,00%	3.000.000	30.000.000.000	20,00%
Ông Lê Kim Giang	3.219.456	32.194.560.000	21,46%	3.219.456	32.194.560.000	21,46%
Ông Đỗ Trung Kiên	2.850.000	28.500.000.000	19,00%	2.850.000	28.500.000.000	19,00%
Bà Lê Thị Hoàng Yến	1.406.000	14.060.000.000	9,37%	1.406.000	14.060.000.000	9,37%
Bà Phạm Thị Thu Thủy	1.659.000	16.590.000.000	11,06%	1.659.000	16.590.000.000	11,06%
Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	1.470.000	14.700.000.000	9,80%	1.470.000	14.700.000.000	9,80%
Vốn góp của cổ đông khác	1.395.544	13.955.440.000	9,30%	1.395.544	13.955.440.000	9,30%
Cộng	15.000.000	150.000.000.000	100%	15.000.000	150.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.449.481.352	44.774.421.159
Doanh thu kinh doanh bất động sản	9.621.012.235	15.439.357.656
Cộng	53.070.493.587	60.213.778.815

6.1.2 Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên	1.980.000.000	1.980.000.000
Cộng	1.980.000.000	1.980.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn kinh doanh khách sạn, nhà hàng và dịch vụ khác	34.293.053.018	39.043.409.060
Giá vốn kinh doanh bất động sản	10.349.669.517	13.373.042.268
Cộng	44.642.722.535	52.416.451.328

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	361.789.661	473.993.192
Cổ tức, lợi nhuận được chia	190.868.372	254.956.607
Lãi chênh lệch tỷ giá	189.034	9.530
Cộng	552.847.067	728.959.329

6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.853.916.347	4.415.713.406
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.064.759.102	1.172.364.747
Cộng	5.918.675.449	5.588.078.153

6.5 Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu tiền điện, nước	798.703.786	794.076.811
Các khoản khác	3.086.000	20.501
Cộng	801.789.786	794.097.312

6.6 Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thanh lý tài sản	-	465.707.116
Chi phí điện, nước	807.335.090	-
Các khoản bị phạt	-	243.807.266
Các khoản khác	2	1.085.176.545
Cộng	807.335.092	1.794.690.927

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.7 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.425.683.395	1.344.603.017
Hoạt động kinh doanh bất động sản	(1.801.638.614)	633.481.593
Hoạt động kinh doanh khác	4.227.322.009	711.121.424
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	1.067.622.452	20.493.666
Hoạt động kinh doanh bất động sản	1.258.490.824	(141.679.780)
Các khoản điều chỉnh tăng	968.096.875	-
Các khoản chi phí không được trừ	968.096.875	-
Các khoản điều chỉnh giảm	290.393.949	(141.679.780)
Doanh thu đã tính thuế TNDN kỳ trước	290.393.949	(141.679.780)
Các khoản giảm khác	-	-
Hoạt động kinh doanh khác	(190.868.372)	162.173.446
Các khoản điều chỉnh tăng	-	417.130.053
Các khoản chi phí không được trừ	-	417.130.053
Các khoản điều chỉnh giảm	(190.868.372)	(254.956.607)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(190.868.372)	(254.956.607)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Các khoản lỗ được kết chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	3.493.305.847	1.365.096.683
Hoạt động kinh doanh bất động sản	(543.147.791)	491.801.813
Hoạt động kinh doanh khác	4.036.453.637	873.294.870
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	-	-
Thuế TNDN được miễn, giảm	-	-
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	698.661.169	273.019.337
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	958.477.922
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	698.661.169	1.231.497.259

6.8 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	1.727.022.226	113.105.758
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	1.727.022.226	113.105.758
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	115	8
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	115	8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các khoản cam kết, bảo lãnh

Trong năm, Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào.

8.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.2.1 Danh sách bên liên quan có giao dịch, số dư với Công ty trong năm

Bên liên quan	Mối quan hệ
Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên	Ông Lê Thanh Thảo - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông đồng thời là Giám đốc Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên
Ông Lê Thanh Thảo	Chủ tịch HĐQT

8.2.2 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các thuyết minh trên.

Giao dịch với thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập của HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	1.084.763.796	1.169.643.681

8.2.3 Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh số 5.2, 5.4, 5.12.

8.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - CN Phía Bắc.

8.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG

Số 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

8.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.



Thái Hồng Nhã
Giám Đốc

Nghệ An, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Thúy Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thúy Nga
Người lập biểu